

# XÂY DỰNG HỌC VIỆN SỐ ĐÁP ỨNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

LẠI ĐỨC VƯỢNG\*

*Học viện Hành chính Quốc gia đang xây dựng chiến lược phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế cũng như vị thế là đơn vị sự nghiệp đặc biệt trực thuộc Bộ Nội vụ. Sứ mệnh của Học viện là trung tâm quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng, phát triển năng lực về hành chính, lãnh đạo, quản lý cho nền công vụ Việt Nam. Tầm nhìn đến năm 2045, Học viện trở thành trung tâm quốc gia ngang tầm khu vực châu Á - Thái Bình Dương về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách về hành chính, lãnh đạo, quản lý và Giá trị cốt lõi "Trí tuệ - Chất lượng - Hiện đại".*

*Từ khóa:* Học viện Hành chính Quốc gia; Học viện số; chuyển đổi số; chiến lược phát triển.

*The National Academy of Public Administration is formulating a development strategy to meet the demands of international integration and reinforce its status as a specialized institution under the Ministry of Home Affairs. The Academy's mission is to serve as the national focal point for cultivating high-caliber human resources and nurturing the competencies of administration, leadership, and management for Vietnam's civil service. With a vision to 2045, the Academy aims to evolve into a premier regional center in the Asia-Pacific region for training, fostering, scientific research, and policy consultancy on administration, leadership, and management, guided by the core values of 'Intelligence - Quality - Modernity'.*

*Keywords:* National Academy of Public Administration; digital Academy; digital transformation; development strategy.

NGÀY NHẬN: 10/3/2024      NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 24/4/2024      NGÀY DUYỆT: 18/5/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.340.2024.842>

## 1. Đặt vấn đề

Với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã được xác định, Học viện đã chủ động hiện đại hóa phương thức giảng dạy và hoạt động, ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm làm gia tăng giá trị tri thức và đem lại hiệu quả trong công việc. Nội dung giảng dạy và nghiên cứu mới mang giá trị thực tiễn, mỗi khóa học là nơi truyền thụ kiến thức và cảm

hứng cho các đối tượng học viên, cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống, những thay đổi đó làm những bài học lý thuyết được truyền đạt trở nên thuyết phục và thích ứng với xu hướng phát triển của nền giáo dục cũng như khoa học - công nghệ hiện đại trên thế giới.

\* TS, Học viện Hành chính Quốc gia

## 2. Sự cần thiết và yêu cầu chuyển đổi số của Học viện

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có vai trò quan trọng, góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ thông qua quá trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cũng như ý thức và đạo đức trong thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức sẽ thay đổi từ phương thức truyền thống sang môi trường số. Khi thực hiện chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng, cần phải trả lời các câu hỏi: chuyển đổi số có thực hiện được mục tiêu phân cấp, phân quyền trong đào tạo, bồi dưỡng không? Chuyển đổi số sẽ thực hiện phân cấp, phân quyền một cách triệt để? Chuyển đổi số sẽ hạn chế tối đa các chương trình, tài liệu bị trùng lặp? Thực hiện chuyển đổi số có tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập không?...

Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; Nghị quyết số 21-NQ/BCSD ngày 28/7/2022 của Bộ Nội vụ về việc chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; thực hiện Nghị quyết số 1183-NQ/ĐUHV ngày 05/7/2023 của Đảng ủy Học viện Hành chính Quốc gia về chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại Học viện Hành chính Quốc gia năm 2023 và định hướng đến giai đoạn 2025 - 2030. Theo đó, xác định Học viện Hành chính Quốc gia số là quá trình đưa toàn bộ hoạt động lên môi trường số một cách an toàn và bảo đảm. Mô hình hoạt động của Học viện số sẽ được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu cũng như công nghệ số.

Khi áp dụng mô hình hiện đại này, Học viện số sẽ cải thiện chất lượng dịch vụ công tốt hơn; đưa ra các quyết định nhanh chóng, kịp thời; ban hành các quy định, chính sách hiệu quả; tối ưu hóa nguồn lực sử dụng; kiến tạo nên những bước đổi mới và trở thành tiền đề chuyển đổi số hệ thống đào tạo, bồi dưỡng của quốc gia; xử lý tốt các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển, quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Học viện số sẽ tạo nên những thay đổi mới, cụ thể: xử lý văn bản không cần giấy tờ; tham gia hội họp không cần gặp trực tiếp; xử lý các thủ tục hành chính không tiếp xúc; môi trường quản lý viên chức, người lao động không phát sinh chi phí; môi trường tương tác giữa học viên, sinh viên và giảng viên rất công khai, minh bạch và thuận lợi, an toàn.

## 3. Thực trạng việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Học viện trong thời gian qua

Đến nay, Học viện đã có những bước phát triển, đạt kết quả nhất định trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Học viện bước đầu đáp ứng được nhu cầu quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Học viện. Học viện có đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ quản lý, được lập kế hoạch, bảo trì, cải tiến, nâng cấp thường xuyên bảo đảm tính liên tục, sẵn sàng phục vụ.

Tuy nhiên, xét tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin của Học viện vẫn còn những hạn chế, chưa đồng bộ. Minh chứng là kết quả xếp hạng chưa cao thông qua đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành quản lý các cấp tại các trường đại học, học viện của Việt Nam.

Nhìn chung, việc ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối giữa các hệ thống để phát huy tối đa hiệu quả sử dụng nguồn lực trong công tác điều hành và đào tạo của Học viện

là chưa cao. Một số quy trình nghiệp vụ đã được thực hiện trên phần mềm ứng dụng, như: phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý thi trắc nghiệm, phần mềm quản lý thư viện. Tuy nhiên, hệ thống thông tin quản lý của Học viện vẫn còn những hạn chế như:

(1) Hệ thống quản lý thông tin của Học viện đang được thực hiện trên các phần mềm khác nhau, chưa được quản lý thống nhất nên việc trích xuất dữ liệu còn nhiều khó khăn.

(2) Chưa có hệ thống giám sát phòng học, phòng thi, quản lý sử dụng điện và thiết bị. Bước đầu đã có hệ thống đào tạo trực tuyến, hệ thống xây dựng bài giảng, lưu trữ, truyền tải tài liệu số phục vụ đào tạo qua mạng, từ xa nhưng chưa phát triển lên tầm chuyên nghiệp; các ứng dụng phần mềm còn cơ bản và tối giản.

(3) Hệ thống máy tính được sử dụng tại các phòng học, phòng làm việc với công suất tối đa, liên tục các ngày trong tuần. Nhiều máy tính đã sử dụng lâu năm. Việc sửa chữa, duy tu, bảo trì còn mang tính manh mún, chắp vá. Việc phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, chuyên môn vì thế mà có lúc bị gián đoạn, sẽ khó đáp ứng được nhu cầu về phát triển và mở rộng trong tương lai khi mà số lượng thiết bị sử dụng hạ tầng mạng (máy tính, điện thoại) tăng rất nhanh.

#### *Về hệ thống mạng, máy chủ.*

(1) Mặc dù số lượng đường truyền nhiều nhưng băng thông đầu vào còn thấp. Mạng nội bộ có tốc độ chậm, chưa ổn định. Chất lượng các thiết bị mạng hiện nay đã xuống cấp, do hầu hết được trang bị trên 5 năm, lại sử dụng với tần suất cao. Các thiết bị sử dụng dây dẫn có xu hướng kém đi theo thời gian vì ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh, như nhiệt độ, độ ẩm...

(2) Nhiều đơn vị tự lắp thiết bị wifi riêng lẻ, gây xung đột với dải địa chỉ cấp cho máy

tính chính của Học viện, điều này dẫn đến tình trạng hay lỗi mạng.

(3) Máy chủ chưa đáp ứng được nhu cầu truy cập lớn (đăng ký tín chỉ, thi trắc nghiệm, hệ thống quản trị bồi dưỡng, hệ thống quản trị đại học...). Hệ thống tường lửa chưa đáp ứng được yêu cầu khi sử dụng máy chủ của Học viện để lưu trữ dữ liệu quan trọng.

Nguyên nhân chính của những hạn chế này đó là sự thiếu đầu tư về công nghệ, thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin.

#### *Về ứng dụng công nghệ thông tin.*

(1) Học viện đã từng bước triển khai các phần mềm nghiệp vụ phục vụ nhu cầu quản lý, tuy nhiên các phần mềm được triển khai rời rạc với công nghệ khá cũ với khả năng nâng cấp, chuyển đổi thấp (khó khăn và mất nhiều thời gian). Một số dữ liệu đào tạo chưa được chuẩn hóa, dẫn đến chưa có sự chia sẻ rộng rãi giữa các đơn vị, làm cơ sở cho việc liên thông về nghiệp vụ, hỗ trợ công tác quản lý học viên, sinh viên; nhiều dữ liệu còn nằm trên giấy tờ, làm hạn chế hiệu quả hoạt động và khả năng phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản trị, điều hành, ra quyết định và quản lý đào tạo.

(2) Học viện chưa có một kiến trúc tổng thể, công nghệ, tiêu chuẩn cho các hệ thống ứng dụng, dữ liệu và hạ tầng nền tảng. Còn hạn chế về liên thông, kết nối giữa các ứng dụng, chưa triển khai rộng rãi các trực liên thông kết nối giữa các hệ thống ứng dụng làm nền tảng cho việc chuẩn hóa, tự động hóa quy trình và đơn giản thủ tục hành chính, tối ưu hóa công tác quản lý và đánh giá kết quả học tập cho học viên, sinh viên.

(3) Học viện Hành chính Quốc gia có 3 phân hiệu tồn tại tình trạng phân tán về hạ tầng công nghệ, dữ liệu chưa được tập trung, số hệ thống công nghệ thông tin được vận hành, quản lý riêng lẻ tại các phân hiệu.

(4) Kết quả khảo sát tình hình ứng dụng công nghệ thông tin các cơ sở Học viện, có thể thấy, các hệ thống hạ tầng tính toán, lưu trữ và an ninh bảo mật vẫn còn rời rạc, được đầu tư theo nhiều giai đoạn với nhiều thế hệ công nghệ khác nhau. Việc thiếu hẳn một kho dữ liệu dùng chung giữa các đơn vị cũng khiến Học viện không thể triển khai hiệu quả các công cụ điều hành quản lý và hỗ trợ công tác đào tạo. Đó là một trong các lý do các giải pháp của ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng quản lý và đào tạo hiện vẫn tương đối rời rạc.

Với mục tiêu xây dựng Học viện số là tái định hình các tương tác trong hệ thống, dẫn đến quá trình vận hành có sự thay đổi và phát triển liên tục của các quy trình nghiệp vụ. Điều này đòi hỏi Học viện cần có đơn vị làm chủ hệ thống.

#### 4. Quan điểm, mục tiêu xây dựng Học viện số

##### *Thứ nhất, về quan điểm.*

Thực hiện chuyển đổi số toàn bộ hệ thống quản trị và các hoạt động của Học viện hiện tại sang mô hình Học viện số là cơ hội để nâng cao năng lực, hiệu quả về mọi mặt của Học viện; chuyển đổi phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, viên chức, người lao động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và phương thức, giao thức làm việc với tổ chức và người lao động, người học trên nền tảng số.

Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là giải pháp bao trùm trong quá trình đổi mới và phát triển đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; là yếu tố then chốt hình thành hệ thống đào tạo mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và yêu cầu thay đổi nhanh chóng về mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp dạy - học; tăng nhanh số lượng, tối ưu chi phí, nâng cao chất lượng và

hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

##### *Thứ hai, về mục tiêu.*

(1) *Mục tiêu tổng quát:* xây dựng Học viện số nhằm cung cấp công cụ quản lý, chia sẻ dữ liệu và tạo môi trường để cán bộ, viên chức, người lao động, người học của Học viện tham gia tổ chức, quản lý, điều hành công việc và thực hiện các hoạt động khác một cách hiệu quả hơn; tăng cường công khai, minh bạch trong công vụ, phòng, chống tham nhũng, tiết kiệm chi phí, thời gian, tăng năng suất lao động, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động; cải thiện mối liên kết giữa Học viện - người lao động - người học và các cá nhân, đơn vị liên quan.

Đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, phương thức kiểm tra, đánh giá người học, nghiên cứu khoa học và công tác quản trị của Học viện. Từ đó, góp phần thúc đẩy hệ sinh thái giáo dục số, tạo đột phá về chất lượng, bảo đảm phát triển quy mô đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông hiện đại, đồng bộ trên cơ sở tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây. Tạo lập kho dữ liệu số của Học viện đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin và dữ liệu. Phát triển các ứng dụng chỉ đạo điều hành theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số.

(2) *Mục tiêu cụ thể:* đến năm 2026: phát triển Học viện số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của Học viện, cụ thể:



- Triển khai hệ thống thông tin tổng thể “Học viện Hành chính Quốc gia số” bao gồm phân hệ quản lý đào tạo và các phân hệ hỗ trợ công tác quản lý điều hành, trong đó có: quản lý học viên - sinh viên, quản lý cán bộ, giảng viên, quản lý hành chính, quản lý cơ sở vật chất, quản lý công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng, báo cáo thống kê...

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử Học viện, mở thêm các chuyên mục để phù hợp với điều kiện thực tế sau khi sáp nhập Trường Đại học Nội vụ Hà Nội vào Học viện. Nghiên cứu nâng cấp, chuyển đổi công nghệ, thiết bị mạng để phù hợp với quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ bảo đảm an toàn thông tin và nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng. Tiếp tục duy trì hoạt động kế tiếp website của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội (trước ngày 01/01/2023) để bảo đảm phục vụ chuyển tiếp giai đoạn và kiểm định, đánh giá ngoài.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin quản trị Học viện và dịch vụ hành chính công trực tuyến, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính phục vụ viên chức, người lao động và người học bảo đảm thuận tiện, minh bạch, công bằng và văn minh. Triển khai xây dựng hệ thống lưu trữ tư liệu tập trung kết nối để lưu trữ hồ sơ hoạt động, văn bản hành chính của Học viện trên cả 3 miền.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu viên chức, người lao động của Học viện và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thuộc phạm vi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Học viện để quản lý và triển khai chuyển đổi số.

- Bảo đảm 100% văn bản điều hành trao đổi giữa Học viện với các cơ quan, đơn vị được thực hiện dưới dạng điện tử và được xác thực điện tử trừ các văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Xây dựng và kiện toàn đội ngũ viên chức chuyên trách về chuyển đổi số của Học viện. Xây dựng chương trình và thực hiện các khóa

đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cơ bản; bảo đảm trên 80% viên chức, người lao động Học viện được tập huấn về bảo đảm an toàn thông tin, an toàn mạng.

- Bảo đảm 100% dịch vụ hành chính công giữa Học viện và người học thực hiện trực tuyến mức độ 3 - 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người lao động, người học và cá nhân, đơn vị liên quan được triển khai đầy đủ trên cổng thông tin của Học viện.

- 100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành được kết nối, liên thông trong toàn Học viện và kết nối với Bộ Nội vụ; 90% văn bản trao đổi với các cơ quan ngoài Học viện (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của Học viện được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo của Học viện.

- 60% các hệ thống thông tin có liên quan đến người lao động, người học, tổ chức đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- Đầu tư xây dựng hệ thống quản lý đào tạo, đào tạo trực tuyến, tổ chức thi trực tuyến đồng bộ trong Học viện liên thông đến các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện.

### **5. Các giải pháp, nhiệm vụ xây dựng Học viện số**

*Một là, đổi mới tư duy và thống nhất nhận thức.*

Chủ động đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, viên chức cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện trong việc xây dựng Học viện số, đổi mới phương thức làm việc theo hướng điện tử hóa, nâng cao chất lượng phục vụ người học và các đối tượng khác, qua đó, tạo sự đồng thuận của viên chức, người lao động, người học về phát triển Học viện số. Tổ chức các

khóa đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo, viên chức, người lao động của Học viện. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của Học viện trên cổng thông tin điện tử. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích từ việc chuyển đổi số của Học viện mang lại.

*Hai là, xây dựng và ban hành các văn bản quản lý, điều hành.*

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về lưu trữ điện tử. Học viện trình Bộ Nội vụ và các đơn vị thuộc, trực thuộc rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các văn bản liên quan đến công tác lưu trữ hồ sơ. Gắn công tác lưu trữ điện tử vào trong văn bản hành chính của Học viện.

Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành những văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ văn thư - lưu trữ số. Xây dựng và thực hiện lưu trữ điện tử tại Phòng Lưu trữ cơ quan đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và bảo đảm giải pháp tích hợp, kết nối liên thông để trích xuất, nộp lưu tài liệu có thời hạn bảo quản vĩnh viễn vào lưu trữ lịch sử thuộc nguồn nộp lưu.

Hoàn thành xây dựng các quy định về cấu trúc cơ sở dữ liệu thành phần của toàn hệ thống Học viện. Các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu dùng chung để trao đổi, chia sẻ thông tin điện tử. Xây dựng các cơ chế, quy chế vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm duy trì vận hành hệ thống. Xây dựng các quy định về chia sẻ thông tin, dữ liệu ngành Nội vụ.

Xây dựng văn bản quy định về định danh

viên chức, người lao động, người học; quản lý sơ yếu lý lịch điện tử, lưu trữ điện tử đối với hồ sơ cán bộ, viên chức, người lao động và người học. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ báo cáo, thống kê trong Học viện ở tất cả các lĩnh vực quản lý.

*Ba là, phát triển hạ tầng số.*

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Học viện số, sử dụng giải pháp công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, dữ liệu lớn..., phục vụ lưu trữ các cơ sở dữ liệu của Học viện. Cung cấp các hạ tầng tri thức, tính toán, xử lý, khai thác dữ liệu..., gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng phục vụ xây dựng Học viện số.

Tăng cường khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các quyết định của Bộ Nội vụ và các cơ quan chuyên ngành khác. Nghiên cứu, triển khai hạ tầng bảo đảm kết nối trong việc thu thập thông tin từ các hệ thống quản lý cán bộ, quản lý người học, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tiếp cận các công nghệ mới, tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0...

*Bốn là, phát triển dữ liệu số.*

Xây dựng dữ liệu số, các hệ thống thông tin, hình thành nguồn tài nguyên số phục vụ phân tích, dự báo, ra quyết định chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo và xử lý nghiệp vụ của các cán bộ, viên chức, người lao động, người học của Học viện, tạo ra các thông tin tham chiếu gốc, cung cấp cho nhiều đối tượng sử dụng nhằm khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu số.

Thiết kế kiến trúc dữ liệu tổng thể của Bộ Nội vụ bảo đảm nguyên tắc mỗi loại dữ liệu chỉ do một đầu mối cung cấp. Thiết lập trung tâm dữ liệu điện tử dùng chung có thể chia sẻ, kết nối để tối ưu hóa việc khai thác

và bảo đảm tính bảo mật đối với từng loại thông tin. Tổ chức thu thập, số hóa và lập chỉ mục dữ liệu đã được số hóa, chuẩn hóa cấu trúc và chuyển đổi các dữ liệu thuộc các lĩnh vực quản lý của Học viện thành dữ liệu điện tử.

*Năm là, bảo đảm an toàn, an ninh.*

Xây dựng chính phủ số bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an toàn mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân. Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật; chủ trì tổ chức thuê dịch vụ bảo đảm an ninh mạng; định kỳ tổ chức tập huấn, diễn tập bảo đảm an toàn thông tin phục vụ Học viện số. Xây dựng các chính sách và quy định về vai trò và quyền khi truy cập dữ liệu ở các mức độ khác nhau.

Xây dựng các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Học viện số, gồm: hệ thống giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ an ninh mạng; hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. Đồng thời, triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin để thuận tiện cho việc sử dụng của cán bộ, viên chức, người lao động và người học.

Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong Học viện.

*Sáu là, phát triển nguồn nhân lực quản trị số.*

Đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm có đủ kỹ năng làm việc trên môi trường số là yếu tố bắt buộc. Hệ thống công nghệ thông tin tại Học viện cần được đồng bộ, giúp hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian, nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại Học viện giúp cho việc xây dựng Học viện có được hạ tầng hiện đại

và sử dụng các công nghệ tiên tiến, các ứng dụng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nguồn nhân lực đủ mạnh để quản lý, vận hành góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao năng lực quản lý, điều hành. Đồng thời, hình thành hạ tầng thông tin thống nhất và kho dữ liệu dùng chung của Học viện về quản lý và lưu trữ hồ sơ điện tử, các dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý của Học viện.

Các hệ thống ứng dụng cung cấp các dịch vụ phục vụ hoạt động quản lý hành chính và các nghiệp vụ chuyên ngành đáp ứng nhu cầu bảo mật, nhu cầu về an toàn, an ninh thông tin tối đa với độ an toàn, tính sẵn sàng và liên tục cao nhất, giảm thiểu các chi phí vận hành, bảo dưỡng tại các đơn vị trong Học viện.

Ngoài ra, các ứng dụng số sẽ cho phép lập kế hoạch và báo cáo, thống kê tổng hợp giúp tổ chức và cung cấp các hình thức khai thác thông tin đa dạng, đáp ứng hoàn toàn nhu cầu tổng hợp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác với phân tích và hỗ trợ ra quyết định, phục vụ công tác điều hành quản lý của lãnh đạo các cấp, chất lượng chuyên môn và các hoạt động nghiệp vụ của viên chức, người lao động sẽ được cải thiện, nâng cao □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nghị quyết số 52/NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Nghị quyết số 217/NQ/BCSD ngày 28/7/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Nghị quyết số 1183-NQ/ĐUHV ngày 05/7/2023 của Đảng ủy Học viện Hành chính Quốc gia về chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại Học viện Hành chính Quốc gia năm 2023 và định hướng đến giai đoạn 2025 - 2030.